TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-ST
Ngày 28 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Huỳnh Văn An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Văn Thanh H, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 135D, đường NTT, p 8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Du Thị B, sinh năm 1980 (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2019); cư trú tại: Số 79, đường ĐTH, k 4, p 9, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Diệp Thị L, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Văn C, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Du Thị B trình bày: Vào năm 2012 ông Văn Thanh H có bán thức ăn, thuốc và men vi sinh cho bà Diệp Thị L để nuôi tôm công nghiệp. Tính đến ngày

28/11/2018 bà L còn nợ ông H số tiền 133.419.000đ. Nay ông H yêu cầu bà L cùng chồng là ông Trần Văn C phải liên đới trả số tiền còn nợ là 133.419.000đ.

Bà Diệp Thị L trình bày: Bà là người trực tiếp giao dịch mua bán với ông H, không liên quan đến ông C. Nay bà đồng ý trả số tiền 133.419.000đ cho ông H, bà không đồng ý việc ông H yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm liên đới.

Đối với ông Trần Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có ý kiến, mà ông chỉ cung cấp "Giấy xác nhận ngày 09/5/2019".

Tại phiên tòa: Bà B, bà L giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Văn Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Diệp Thị L và ông Trần Văn C trả tiền mua thức ăn, thuốc và men vi sinh còn nợ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hùng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc mua bán thức ăn, thuốc và men vi sinh giữa ông H với bà L là thực tế có xãy ra. Nay ông H yêu cầu bà L và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 133.419.000đ. Bà L đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của ông H, nhưng việc trả tiền là tự bà trả, bà không đồng ý việc yêu cầu ông C cùng trả.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bà L xác định việc giao dịch mua bán với ông H thì ông C có biết, ông C không đồng ý việc bà mua bán và nợ của ông H. Bởi vì, trước đây bà nuôi tôm thất bại, ông C đã cố đất trả nợ cho bà nên nay ông C không đồng ý, cũng như không tham gia việc mua bán và nuôi tôm của bà L. Xét thấy: Mặc dù ông C không trực tiếp mua bán với ông H hay tham gia nuôi tôm với bà L, nhưng việc bà L mua thức ăn, thuốc và men vi sinh của ông H nuôi tôm nhằm tạo nguồn thu nhập để phục vụ nhu cầu trong gia đình. Mặt khác, trong khoảng thời gian này và cho đến hiện nay thì bà L với ông C vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, đang cùng sống chung một nhà. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định khoản nợ 133.419.000đ của ông H là khoản nợ chung của bà L và ông C được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà L và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 133.419.000đ là phù hợp.

[5] Xét về án phí dân sự: Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều

12 của Nghị quyết số 326. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: (133.419.000đ x 5%) : 2 = 3.335.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428; khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Thanh H.

1. Buộc bà Diệp Thị L và ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Văn Thanh H số tiền là 133.419.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm mười chín ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Văn Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Diệp Thị L và ông Trần Văn C chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà L, ông C còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Văn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H 3.335.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009238 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Trần Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.335.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh